

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ
ĐƯỢC SOÁT XÉT**
**của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHÍ LINH**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	3-4
Báo cáo soát xét	5-6
Báo cáo Tài chính đã được soát xét	7-24
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101448493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 10 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 08 năm 2010.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đường dây và trạm điện đến 35KV;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Buôn bán vật liệu xây dựng, vật liệu, thiết bị điện, nước, điện máy;
- Sửa chữa, gia công, chế tạo, buôn bán và cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông vận tải;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ, máy móc cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm);
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô theo các loại hình sau: Vận tải khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Vận tải bằng taxi, xe buýt; Vận tải khách du lịch; Vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải bằng đường thủy nội địa theo hợp đồng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003639, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 04 năm 2011 của Công ty là: 22.200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 10, ngách 26, ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh	Km6 Quốc lộ 18 thôn Đại Bát, xã Hoàng Tân, huyện Chí Linh, Hải Dương

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2011 là (2.388.829.168) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 30/06/2011 là 1.127.812.405 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Hải	Thành viên
Ông Đàm Văn Toàn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Trung	Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Hải	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các

luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011
TM. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Nguyễn Việt Trung

Số: /2012/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011
của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày từ trang 07 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công việc soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2012

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN
KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Hoà
Chứng chỉ KTV số: 0909/KTV

Nguyễn Đại Hùng
Chứng chỉ KTV số: 1000/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	1/1/2011
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18,878,199,802	17,711,857,979
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		786,558,735	537,399,212
111	1. Tiền	3	786,558,735	537,399,212
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11,365,813,297	12,307,402,444
131	1. Phải thu khách hàng		4,633,953,117	4,688,299,518
132	2. Trả trước cho người bán		1,283,605,940	170,848,686
135	5. Các khoản phải thu khác	4	5,448,254,240	7,448,254,240
140	IV. Hàng tồn kho		6,326,968,860	4,468,492,092
141	1. Hàng tồn kho	5	6,326,968,860	4,468,492,092
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		398,858,910	398,564,231
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		381,591,320	381,591,320
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15,509,408	16,972,911
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	1,758,182	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24,945,028,540	25,456,176,747
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		22,923,600,623	23,429,533,332
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	15,116,320,078	15,733,717,580
222	- Nguyên giá		19,284,638,752	19,284,638,752
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4,168,318,674)	(3,550,921,172)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	4,406,973,434	4,504,901,864
228	- Nguyên giá		4,848,288,182	4,848,288,182
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(441,314,748)	(343,386,318)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	3,400,307,111	3,190,913,888
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2,000,000,000	2,000,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		2,000,000,000	2,000,000,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		21,427,917	26,643,415
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	21,427,917	26,643,415
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43,823,228,342	43,168,034,726

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	1/1/2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		20,495,415,937	17,269,915,134
310	I. Nợ ngắn hạn		13,499,086,536	10,232,335,733
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	6,861,876,936	7,729,650,800
312	2. Phải trả người bán		2,889,589,518	2,056,673,030
313	3. Người mua trả tiền trước		492,796,797	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	512,133,531	446,011,903
315	5. Phải trả người lao động		-	-
316	6. Chi phí phải trả	13	2,742,689,754	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác		-	-
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	II. Nợ dài hạn		6,996,329,401	7,037,579,401
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	6,996,329,401	7,037,579,401
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23,327,812,405	25,898,119,592
410	I. Vốn chủ sở hữu		23,327,812,405	25,898,119,592
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	22,200,000,000	22,200,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15	1,127,812,405	3,698,119,592
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43,823,228,342	43,168,034,726

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2011	1/1/2011
	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
	5. Ngoại tệ các loại		-	-
	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2011

Giám đốc

Nguyễn Việt Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	3,602,966,355	8,691,722,816
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	3,602,966,355	8,691,722,816
11	4. Giá vốn hàng bán	18	2,613,766,719	5,141,315,954
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		989,199,636	3,550,406,862
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	418,888	162,300
22	7. Chi phí tài chính	20	2,773,166,530	883,075,003
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2,773,166,530	883,075,003
24	8. Chi phí bán hàng		182,401,063	584,961,274
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		422,880,099	325,663,584
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2,388,829,168)	1,756,869,301
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2,388,829,168)	1,756,869,301
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)		-	439,217,325
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(2,388,829,168)	1,317,615,976
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	14	(1,076)	928

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2011

Giám đốc

Nguyễn Việt Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		4,510,406,176	6,932,743,894
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3,899,167,659)	(4,832,332,917)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1,510,936,900)	(1,064,874,623)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(30,476,776)	(317,582,003)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2,312,453,205	-
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(193,613,746)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1,188,664,300	717,954,351
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(30,899,800)	(556,884,921)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		418,888	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30,480,912)	(556,884,921)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	4,000,000,000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(909,023,865)	(4,111,400,000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(909,023,865)	(111,400,000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		249,159,523	49,669,430
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		537,399,212	266,129,950
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		786,558,735	315,799,380

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2011
Giám đốc

Nguyễn Việt Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101448493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 10 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 08 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003639, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 04 năm 2011 của Công ty là: 22.200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 10, ngách 26, ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Chí Linh	Km6 Quốc lộ 18 thôn Đại Bát, xã Hoàng Tân, huyện Chí Linh, Hải Dương

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đường dây và trạm điện đến 35KV;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Buôn bán vật liệu xây dựng, vật liệu, thiết bị điện, nước, điện máy;
- Sửa chữa, gia công, chế tạo, buôn bán và cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông vận tải;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ, máy móc cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm);
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô theo các loại hình sau: Vận tải khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Vận tải bằng taxi, xe buýt; Vận tải khách du lịch; Vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải bằng đường thủy nội địa theo hợp đồng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được phản ánh theo nguyên tắc giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm, hàng hóa, hàng gửi đi bán.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán :

- Kiểm kê định kỳ: đối với các nhà hàng;
- Kê khai thường xuyên đối với các mặt hàng khác;

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao trích theo phương pháp đường thẳng được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính Việt Nam. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20-25 năm
- Máy móc thiết bị	10-12 năm
- Phương tiện vận tải	8-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-8 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	25 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn đến 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Giá trị các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm: Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi; Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu; Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay và chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”, việc vốn hóa chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Các chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bắt đầu phát sinh;
- Các chi phí đi vay phát sinh;
- Các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản phải trả cho các chi phí đã phát sinh nhưng chưa trả, cụ thể số dư chi phí phải trả 30.06.2011 là lãi vay đã phát sinh nhưng chưa trả.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, được phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng với giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách đáng tin cậy;

- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thoả mãn hai (2) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy không kể có thể được hoàn trả hay không.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ

Tài chính ban hành và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 sửa đổi Thông tư số 228.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

3 . TIỀN

	30/06/2011	1/1/2011
	VND	VND
Tiền mặt	303,842,997	529,589,843
Tiền gửi ngân hàng	482,715,738	7,809,369
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	786,558,735	537,399,212

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	1/1/2011
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	5,448,254,240	7,448,254,240
Cộng	5,448,254,240	7,448,254,240

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	1/1/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3,027,430,161	4,248,438,576
Công cụ, dụng cụ	117,542,727	109,149,000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,438,984,191	-
Thành phẩm	1,743,011,781	110,904,516
Hàng hóa	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	6,326,968,860	4,468,492,092

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	1/1/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	1,758,182	-
Cộng	1,758,182	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10,525,474,384	7,884,547,875	778,506,493	96,110,000	19,284,638,752
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10,525,474,384	7,884,547,875	778,506,493	96,110,000	19,284,638,752
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1,916,781,912	1,462,343,292	145,633,900	26,162,068	3,550,921,172
Số tăng trong năm	326,523,438	241,114,656	38,925,328	10,834,080	617,397,502

- Khấu hao trong năm	326,523,438	241,114,656	38,925,328	10,834,080	617,397,502
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2,243,305,350	1,703,457,948	184,559,228	36,996,148	4,168,318,674
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8,608,692,472	6,422,204,583	632,872,593	69,947,932	15,733,717,580
Tại ngày cuối năm	8,282,169,034	6,181,089,927	593,947,265	59,113,852	15,116,320,078

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15,057,206,226 đồng

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4,833,088,182	-	-	15,200,000	4,848,288,182
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4,833,088,182	-	-	15,200,000	4,848,288,182
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	341,275,207	-	-	2,111,111	343,386,318
Số tăng trong năm	96,661,764	-	-	1,266,666	97,928,430
- Khấu hao trong năm	96,661,764	-	-	1,266,666	97,928,430
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	437,936,971	-	-	3,377,777	441,314,748
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4,491,812,975	-	-	13,088,889	4,504,901,864
Tại ngày cuối năm	4,395,151,211	-	-	11,822,223	4,406,973,434

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011 VND	1/1/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3,400,307,111	2,969,951,298
- Nhà máy gạch tuynel Hoàng Tân	3,400,307,111	2,969,951,298
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	220,962,590
Cộng	3,400,307,111	3,190,913,888

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	1/1/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	21,427,917	26,643,415
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	21,427,917	26,643,415

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011 VND	1/1/2011 VND
Vay ngắn hạn	6,861,876,935	-
- Vay ngân hàng	6,861,876,935	-

Nợ dài hạn đến hạn trả	-	7,729,650,800
Cộng	6,861,876,935	7,729,650,800

Các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: 1.000 VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức đảm bảo khoản vay
0036/2010/HĐ TD1 OCEAN	Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Hà Nội		12 tháng	4,000,000	4,000,000	4,000,000	Thế chấp
050709/HĐTD	Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Hải Dương		12 tháng	4,000,000	2,861,877	2,861,877	Thế chấp
Cộng				8,000,000	6,861,877	6,861,877	

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	1/1/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	502,331,441	436,213,015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,802,090	9,798,888
Cộng	512,133,531	446,011,903

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	1/1/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	2,742,689,754	-
Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	2,742,689,754	-

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	1/1/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	6,996,329,401	7,037,579,401
- Vay ngân hàng	6,996,329,401	7,037,579,401
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	6,996,329,401	7,037,579,401

Các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: 1.000 VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức đảm bảo khoản vay
050709/HĐTD	Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Hải Dương		60 tháng	8,000,000	6,840,479	1,978,450	Thế chấp

21504/HĐT D/TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng Long	48 tháng	330,000	155,850	41,250	Thẻ chấp
Cộng			8,330,000	6,996,329	2,019,700	

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	14,200,000,000	-			2,983,925,189
Tăng vốn trong năm trước	8,000,000,000	-	-		
Lãi trong năm trước					714,194,403
Số dư cuối năm trước	22,200,000,000	-	-	-	3,698,119,592
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-		
Lãi trong kỳ này					(2,388,829,168)
Giảm khác					181,478,019
Số dư cuối kỳ này	22,200,000,000	-	-	-	1,127,812,405

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	%	1/1/2011	%
Vốn góp của Nhà nước		0%		0%
Vốn góp của các đối tượng khác	22,200,000,000	100%	22,200,000,000	100%
- Do pháp nhân nắm giữ				
- Do thể nhân nắm giữ	22,200,000,000		22,200,000,000	
Cộng	22,200,000,000		22,200,000,000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	22,200,000,000	14,200,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	8,000,000,000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	22,200,000,000	22,200,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2011	1/1/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,220,000	2,220,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành & góp vốn đầy đủ	2,220,000	2,220,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,220,000	2,220,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,220,000	2,220,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,220,000	2,220,000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(2,388,829,168)	1,317,651,977

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	(2,388,829,168)	1,317,651,977
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	2,220,000	1,420,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1,076)	928
16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	3,602,966,355	8,691,722,816
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	3,602,966,355	8,691,722,816
17 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	3,602,966,355	8,691,722,816
Doanh thu thuần dịch vụ	-	-
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	3,602,966,355	8,691,722,816
18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	2,613,766,719	5,141,315,954
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán	-	-
Cộng	2,613,766,719	5,141,315,954
19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	418,888	162,300
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	418,888	162,300
20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2,773,166,530	883,075,003
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	2,773,166,530	883,075,003
21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	439,217,325
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Cộng	-	439,217,325

22 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán và Tư vấn Thuế AAT .

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2011
Giám đốc

Nguyễn Việt Trung